

Số: 103/2022/QĐST-HNGĐ

TP. Thái Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Trần Quang V**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1988;

Nơi ĐKKHTT: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã V Lạc, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh V có địa chỉ tại: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.. Đến tháng 7 năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương nhau nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mục đích hôn nhân không còn đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên

anh chị đã cùng nhau bàn bạc và đi đến thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh V, chị N.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị N trình bày: Anh V và chị N có 01 con chung là Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 17/02/2014. Ly hôn, anh Trần Quang V và chị Phạm Thị N thỏa thuận: Giao cho anh Trần Quang V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Mỹ H. Chị Phạm Thị N cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Quang V mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 7 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị N đều trình bày: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị N không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị N mỗi người nộp 150.000 đồng lệ phí việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên đây của chị N và anh V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận cho chị Phạm Thị N và anh Trần Quang V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Trần Quang V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 17/02/2014. Chị Phạm Thị N cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Quang V mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 7 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Phạm Thị N và anh Trần Quang V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị N mỗi người nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000654 ngày 10/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi Cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2014 ngày 29/10/2014);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh